

NHÌN LẠI CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHƯƠNG TÂY VỀ QUYẾT ĐỊNH KHÁNG MỸ VIỆN TRIỀU CỦA TRUNG QUỐC NĂM 1950 — 1953

Đặng Thu Trang
Louvain - la - Neuve, Belgique

Tháng 6 năm 1950, bốn tháng sau khi Hiệp ước hữu nghị Xô - Trung được ký kết, cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Đầu tháng 10 năm 1950, quân đội Nam Triều vượt ranh giới hai miền Triều Tiên là vĩ tuyến 38. Ngày 19, chỉ nguyện quân Trung Quốc vượt biên giới Trung - Triều tham chiến chống lại quân đội Liên hợp quốc do Mỹ cầm đầu. Tại sao những người lãnh đạo Trung Quốc lại quyết định tham gia vào một cuộc chiến không diễn ra trên lãnh thổ của mình? Động cơ và mục đích thật sự của họ là gì? Quan hệ Trung Quốc với Liên Xô, Bắc Triều Tiên và Mỹ ảnh hưởng thế nào đến quyết định này?

Các quan điểm của phương Tây

Vào thập niên 50 thế kỷ trước, các học giả phương Tây chịu nhiều ảnh hưởng của chiến tranh lạnh, nhìn nhận quyết định này như một phần trong kế hoạch bành trướng của chủ nghĩa cộng sản tại châu Á. Theo họ, Bắc Kinh hay Bình Nhưỡng đều hành động theo kế hoạch được vạch ra bởi Matxcova.

Tổng thống Hoa Kỳ lúc đó là Harry Truman cũng tin rằng cuộc tấn công của Bình Nhưỡng là “bước đầu tiên trong kế hoạch bành trướng thế giới của cộng sản Liên Xô”[17]. Tương tự, việc Trung Quốc tham chiến được nhìn nhận như bước tiếp theo hỗ trợ cho kế hoạch bành trướng này [16].

Vào thập kỷ 60 - 70, có ba sự kiện dẫn đến thay đổi cách nhìn nhận của các học giả phương Tây về Trung Quốc. *Thứ nhất*, quan hệ Xô - Trung trở nên căng thẳng, rạn nứt và mâu thuẫn. Quan điểm cho rằng Trung Quốc là “vệ tinh” tuyệt đối của Liên Xô trở nên lung lay, nhất là khi những nghiên cứu cho thấy mâu thuẫn giữa họ đã xuất hiện từ thời kỳ nội chiến tại Trung Quốc, rất lâu trước khi bùng nổ cuộc chiến tại Triều Tiên [2]. *Thứ hai*, sự xuất hiện của Phong trào Không liên kết (1955) cũng như sự ủng hộ của Trung Quốc với phong trào này thách thức quan điểm khẳng định sự phân chia tuyệt đối thế giới thành hai khối trong bối cảnh chiến tranh lạnh. Hơn thế nữa, sự kiện này còn cho

thấy Trung Quốc cũng có tham vọng mở rộng ảnh hưởng riêng của mình bằng cách tranh thủ lực lượng trung lập trên thế giới [14]. Thứ ba, vào cuối những năm 60, đầu những năm 70, quan hệ Trung - Mỹ được cải thiện cho thấy chính sách đối ngoại của Trung Quốc không chỉ dựa trên cơ sở ý thức hệ, mà còn trên cơ sở lợi ích quốc gia, có tính toán đến những lợi, hại trong quan hệ với các nước lớn.

Những phát hiện mới này khiến người ta phải thay đổi cách nhìn nhận về quyết định của Trung Quốc tham gia chiến tranh Triều Tiên. Các học giả, trong những phân tích của mình bắt đầu dựa trên giả thuyết: Lãnh đạo Trung Quốc khi đưa ra quyết định này có suy tính đến lợi ích quốc gia.

Trong cuốn sách: *"Trung Quốc vượt sông Áp Lục: quyết định tham gia vào chiến tranh Triều Tiên"*, Allen S.Witting^[19] đã khẳng định một điều ngược lại với giả thuyết đã được chấp nhận từ trước: Cả Liên Xô và Trung Quốc đều không can thiệp trực tiếp vào kế hoạch giải phóng Triều Tiên của Kim Nhật Thành. Trung Quốc thậm chí còn không biết đến kế hoạch cụ thể của Bắc Triều Tiên.

Vào đầu năm 1950, nhà nước Trung Hoa mới thành lập phải đối mặt với nhiều khó khăn, đó là: khủng hoảng kinh tế, sự chống đối của Quốc Dân đảng bên trong và nhu cầu tìm kiếm sự trợ giúp, công nhận về mặt ngoại giao bên ngoài. Việc tham chiến sẽ khiến những khó khăn này thêm trầm trọng. Tuy nhiên, một chiến thắng của Bắc Triều Tiên cũng mang lại lợi ích nhất định. Trong những phân tích của mình, Allen S.Witting

nhấn mạnh vào khả năng một liên minh Mỹ - Nhật chuẩn bị hình thành vào thời điểm đó như một mối lo ngại hàng đầu của Trung Quốc. Bị ám ảnh bởi quá khứ xâm lược của Nhật Bản dưới chế độ phát xít, Trung Quốc luôn quan ngại khả năng Nhật Bản sẽ tái quân sự hóa dưới sự viện trợ của Mỹ. Một chiến thắng của Cộng sản tại Triều Tiên sẽ đảm bảo trước hết an ninh cho Trung Quốc, sau đó giúp ngăn chặn sự hình thành một liên minh Mỹ - Nhật - Triều tại Đông Á. Chiến thắng này cũng giúp Trung Quốc khẳng định được vai trò của mình trong khu vực, điều mà họ đã từng làm được trong quá khứ, dưới các triều đại phong kiến.

Về mặt nội chính, một chiến thắng của Bắc Triều Tiên sẽ hạn chế lực lượng Quốc Dân đảng nổi dậy tiến hành các hoạt động chống phá chính phủ mới thành lập đồng thời nâng cao uy tín của chính phủ Cộng sản Trung Hoa. Nguyên vọng giải phóng Đài Loan của Trung Quốc sẽ có nhiều thuận lợi hơn.

Trong tính toán giữa lợi và hại, Trung Quốc đã lưỡng lự. Tham chiến đối với họ hại nhiều hơn lợi. Theo Allen S.Witting, Bắc Kinh đã cố gắng dùng các biện pháp ngoại giao để giải quyết vấn đề Triều Tiên. Trong tất cả những tuyên bố của giới lãnh đạo Trung Quốc cho thấy, nếu lãnh thổ Bắc Triều Tiên bị xâm chiếm, Trung Quốc sẽ tham chiến. Khi Bắc Kinh quyết định tham chiến, Allen S.Witting cho rằng, Trung Quốc tham chiến vì mối đe dọa của Mỹ đến an ninh quốc gia của Trung Quốc có nguy cơ thành sự thật.

Các học giả sau này đã phát triển những phân tích của mình dựa trên giả thuyết của Allen S.Witting. Nhiều học giả thậm chí đã

nhấn mạnh yếu tố an ninh biên giới như yếu tố quyết định hành động tham chiến của Trung Quốc. Việc quân đội quốc tế vượt vĩ tuyến 38 được coi là tác nhân biến nỗi lo sợ về an ninh của Trung Quốc thành hiện thực. Như vậy, nếu không có việc vượt vĩ tuyến này, Trung Quốc cũng sẽ không tham chiến [12].

Những phân tích mới từ khi ra đời cuốn sách *"Trung Quốc vượt sông Áp lực: quyết định tham gia chiến tranh Triều Tiên"* đã đóng góp đáng kể vào việc hiểu những động lực của các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong hoạch định chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, những phân tích này gặp phải một hạn chế: Không thể tiếp cận được các tài liệu của chính Trung Quốc, các học giả chỉ dừng lại ở việc phán đoán động thái của những người Cộng sản qua việc đặt họ vào một môi trường khách quan trong và ngoài nước mà thôi. Năm 1994, cuốn sách *"Con đường đưa Trung Quốc đến cuộc chiến Triều Tiên: Sự hình thành đối đầu Trung-Mỹ"* của Chen Jian cho phép hé mở nhiều bí ẩn liên quan đến việc đưa ra quyết định tham chiến của những nhà lãnh đạo Trung Quốc. Tác giả cho rằng, chính chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc là động cơ quyết định trong khi an ninh quốc gia chỉ đóng vai trò thứ yếu.

Những nhân tố khác

Trước khi hiểu được quyết định của Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo khác của Trung Quốc, chúng ta cần chú ý đến bối cảnh trong nước và khu vực của Trung Quốc vào thời điểm trước khi cuộc chiến tranh nổ ra.

Trong khi Allen S. Witting nhấn mạnh đến vai trò của Nhật Bản trong liên minh Nhật - Mỹ như một mối đe dọa đến an ninh Trung Quốc thì Chen Jian cho rằng, chính Mỹ và phương Tây mới là mối đe dọa hàng đầu đối với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Một số học giả trước đó từng cho rằng, vào thời kỳ mới thành lập, Trung Quốc lưỡng lự trong việc lựa chọn giữa Liên Xô và Mỹ [15]. Mỹ có tiềm lực kinh tế to lớn, cần thiết cho quá trình xây dựng đất nước của Trung Quốc. Tuy nhiên mọi hành động sau đó của những người Cộng sản cho thấy họ đã có sự lựa chọn của mình ngay từ đầu. Thái độ đó thể hiện ở việc phong tỏa lãnh sự quán Mỹ và bắt giữ nhân viên đại diện Mỹ khi quân đội Cộng sản tiến chiếm thành phố Shenyang từ tay Quốc Dân đảng vào tháng 11 năm 1948. Cũng năm này, trong bài báo bàn về *"Chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc"*, Lưu Thiếu Kỳ đã khẳng định: "Thế giới hiện nay được chia làm hai phe mà đứng đầu phe đế quốc và phản động là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ"[1].

Vào cuối năm 1949, chính sách của Trung Quốc với Mỹ trở nên cụ thể hơn. Về lâu dài, sớm hay muộn Trung Quốc cũng sẽ phải đối đầu quân sự trực tiếp với Mỹ [6]. Cuộc đối đầu có thể xảy ra trên ba mặt trận: Đài Loan, Đông Dương và Triều Tiên mà Trung Quốc cho là tiêu điểm của cuộc cách mạng tại châu Á.

Tóm lại, chính Trung Quốc, bị ảnh hưởng bởi ý thức hệ chiến tranh lạnh cũng như lịch sử chiếm đóng và các hiệp ước bất bình đẳng của Mỹ và phương Tây, đã chọn cho mình một tư thế đối đầu với Mỹ.

Khi đã kiên quyết chống Mỹ, việc tìm kiếm liên minh với Liên Xô là sự lựa chọn tất yếu của Trung Quốc. Ngay từ tháng 4 năm 1949, Mao đã cử Lưu Thiếu Kỳ đến thăm Liên Xô bàn về mối quan hệ Xô - Trung trong tương lai. Chuyến thăm này đã mang lại kết quả đáng kể. Stalin chấp nhận trợ giúp Trung Quốc xây dựng chính quyền mới, kinh tế và quân sự. Quan trọng hơn cả, Stalin đề cập đến sự phân chia ảnh hưởng giữa hai nước, theo đó Liên Xô là trung tâm của cuộc cách mạng vô sản thế giới, còn hỗ trợ cách mạng ở Đông Á là nghĩa vụ của Trung Quốc. Lưu Thiếu Kỳ lúc đó không trả lời đồng ý, nhưng cũng không tỏ thái độ phản đối ý tưởng đó.

Ngày 30/6/1949, Mao Trạch Đông tuyên bố chính sách “ngiên về một phe” của Trung Quốc, thể hiện quan hệ đặc biệt với Liên Xô. Tháng 12, Mao tiến hành chuyến thăm Liên Xô, cũng là chuyến đi ra nước ngoài đầu tiên của ông. Hai tháng sau, Hiệp ước hữu nghị Xô - Trung được ký kết tại Matxcova.

Giải thích những nguyên nhân đưa đến việc hình thành liên minh Xô-Trung này, ngoài những lý do như khả năng trợ giúp về kinh tế và quân sự của Liên Xô, Chen Jian [6] đưa ra hai lý do đáng lưu ý khác. *Thứ nhất*, Hiệp ước hữu nghị Xô-Trung là hệ quả tất yếu của mối đe dọa số một đối với Trung Quốc: đó là Mỹ. Mao Trạch Đông trong *Thông điệp* gửi khóa họp thứ VI Ủy ban Chính phủ nhân dân Trung ương ngày 11/4/1950 khẳng định: “Chúng ta đã đánh bại một kẻ thù: đó là phản động trong nước nhưng vẫn còn những lực lượng phản động trên thế giới, đó là đế

quốc” [6]. *Thứ hai*, việc tiến tới thành lập liên minh với Liên Xô là một điều tất nhiên đối với Trung Quốc. Mục đích cách mạng Trung Quốc là góp phần vào phong trào giải phóng các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đứng đầu là Liên Xô. Chính vì vậy, dù hai đảng Cộng sản có những mâu thuẫn trong thời kỳ nội chiến Trung Hoa, việc cải thiện quan hệ với Liên Xô là điều cần thiết [6; tr.68].

Mối quan hệ cuối cùng cần được đề cập đến là quan hệ Trung Quốc - Bắc Triều Tiên. Về mặt lịch sử hai đảng Cộng sản từng giúp đỡ nhau trong quá trình tiến hành cách mạng ở hai nước. Bắc Triều Tiên không chỉ là cơ sở chiến lược tại vùng Đông Bắc mà còn là nguồn cung cấp người và vũ khí cho Cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến 1946 - 1949. Đổi lại, chiến thắng của Cộng sản tại Trung Quốc cũng là nguồn khích lệ cho Đảng Cộng sản Triều Tiên tiến hành giải phóng toàn Triều Tiên. Vào cuối năm 1949 đầu năm 1950, khi Kim Nhật Thành yêu cầu Trung Quốc cho hồi hương quân đội PLA (Quân đội Giải phóng nhân dân) gốc Triều Tiên, Trung Quốc đã chấp nhận. Gần 50.000 quân đội Triều Tiên đã được hồi hương [3; tr.363]. Qua những bằng chứng này, có học giả đã nhận định ảnh hưởng của Trung Quốc đối với các nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên lớn hơn cả ảnh hưởng của Liên Xô [3].

Trên thực tế, mối quan hệ này không hề suôn sẻ. Lý do chính xuất phát từ sự phân hóa trong nội bộ của Đảng Cộng sản Triều Tiên. Vào thời điểm trước khi cuộc chiến tại Triều Tiên bùng nổ, vai trò lãnh đạo của Kim Nhật Thành bị thách thức bởi hai nhân vật

khác: Pak Hon-yong đại diện cho phía Nam và Pak Il-yu đại diện cho những người gốc Trung Hoa. Điều đó lý giải tại sao Kim Nhật Thành, tuy cần sự viện trợ của Trung Quốc, nhưng không đặt trọn sự tin tưởng vào những người Cộng sản Trung Hoa.

Khi Kim Nhật Thành dự định thống nhất Triều Tiên, người đầu tiên ông muốn tham khảo ý kiến là Stalin chứ không phải Mao Trạch Đông. Cuối năm 1949, Kim đã bí mật thăm Liên Xô và trao đổi với Stalin về kế hoạch này. Mao chỉ được biết khi Stalin hỏi ý kiến ông vào thời điểm ông thăm Liên Xô cuối năm 1949 đầu năm 1950. Đến giữa tháng 5 năm 1950, Kim Nhật Thành mới đến thăm Trung Quốc với mục đích thông báo sẽ giải phóng Triều Tiên, không thông báo ngày tháng và kế hoạch cụ thể. Khi Mao hỏi về khả năng Mỹ can thiệp, Kim đã khẳng định điều đó không thể xảy ra. Khi Mao hỏi liệu Bắc Triều Tiên có cần sự giúp đỡ của Trung Quốc không, Kim đã trả lời là không cần thiết. Những chi tiết trên được Chen Jian đưa ra dựa theo những tài liệu mật của Chính phủ Trung Quốc mà ông được phép tiếp cận [6; tr. 88-92 và 106-113].

Phân tích những yếu tố bên trong và bên ngoài nói trên chúng ta thấy, Trung Quốc vào đêm trước của cuộc chiến tranh Triều Tiên phải đối mặt với những khó khăn trong nước, hạn chế khả năng can thiệp vào một cuộc chiến bên ngoài lãnh thổ, mối đe dọa quân sự không biết sẽ đến lúc nào từ Mỹ và quan hệ không mấy suôn sẻ với Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên, với sự hậu thuẫn của Liên Xô và một tinh thần quốc tế cộng sản, Trung

Quốc đã giữ được tâm lý vững vàng để đảm trách vai trò trợ giúp cách mạng trong khu vực.

Quá trình đưa ra quyết định

Vấn đề tiếp theo cần lý giải là Trung Quốc đã phản ứng thế nào khi cuộc chiến tranh bùng nổ? Tại sao quyết định tham chiến không đến sớm hơn, ngay từ khi Bắc Triều Tiên thất thủ tại Inchon, hay từ khi quân đội Nam Hàn phản công, thậm chí từ khi Bắc Triều Tiên vẫn còn chiếm lợi thế trên chiến trường? Tại sao Chí nguyện quân Trung Quốc lại chỉ vượt sông Áp Lục gần 20 ngày sau khi quân đội Nam Hàn vượt vĩ tuyến 38?

Trước hết cần nhấn mạnh rằng, Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo Trung Quốc không hề ngạc nhiên khi chiến tranh bùng nổ, vì như phân tích ở trên, họ đã biết điều đó từ trước. Điều khiến Trung Quốc ngạc nhiên là sự can thiệp quá nhanh chóng của Mỹ. Chỉ hai ngày sau khi chiến sự bùng nổ, Truman đã có được sự đồng ý của Liên hợp quốc gửi quân đến trợ giúp Triều Tiên, nhanh chóng gửi tàu sân bay đến eo biển Đài Loan nhằm trung lập hóa khu vực nhạy cảm này mà thực chất là ngăn chặn một cuộc giải phóng thứ hai có thể xảy ra của Cộng sản. Với người Trung Quốc, một cuộc đối đầu với Mỹ đã đến nhanh hơn dự kiến trên mặt trận thứ ba: Triều Tiên.

Bắc Kinh lập tức có những thay đổi lớn về mặt chiến lược: Tạm thời hoãn chiến dịch Đài Loan lại nhằm mục đích “huy động lực quân, tăng cường xây dựng không quân và hải quân để đối diện với tình hình mới”. Hơn

nữa, việc trì hoãn như vậy cũng không phải là điều bất lợi, nhất là trong bối cảnh Mỹ tăng cường can thiệp vào Đài Loan và Trung Quốc chưa chuẩn bị đầy đủ cho kế hoạch giải phóng [6; tr.131].

Song song với việc tăng cường giúp đỡ cho Việt Nam, Bắc Kinh tập trung chuẩn bị cho một cuộc chiến có thể xảy ra không chỉ ở biên giới Trung-Triều mà còn ở trong lãnh thổ Triều Tiên [6; tr. 139]. Về mặt quân sự, lục quân cũng như trang thiết bị và vũ khí được huy động đến biên giới. Tháng 7 năm 1950, "Quân đội phòng vệ biên giới Đông Bắc" (gọi tắt là NEBDA) được thành lập. Vào cuối tháng 7, đã có 255.000 quân tập trung tại biên giới Đông Bắc [6; tr. 138]. Về mặt chính trị, chiến dịch tuyên truyền toàn dân được tiến hành. Cùng với việc thành lập Ủy ban chống Mỹ xâm lược Triều Tiên và Đài Loan, chiến dịch tuyên truyền và chống phản cách mạng trong nước được tăng cường.

Như vậy, tuy chưa trực tiếp viện trợ Triều Tiên, nhưng Trung Quốc đã chuẩn bị cho một cuộc đối đầu có thể xảy ra với Mỹ. Sự chuẩn bị này chưa biến thành quyết định vì: *Thứ nhất*, quân đội Bắc Triều Tiên còn đang ở thế chủ động, có khả năng thắng; *Thứ hai*, bản thân Kim Nhật Thành cũng chưa có ý định yêu cầu sự giúp đỡ của Trung Quốc và cuối cùng là NEBDA vẫn còn đang trong giai đoạn chuẩn bị.

Vào cuối tháng 7, tình hình bắt đầu thay đổi khi quân đội do Mỹ cầm đầu tạo được vành đai phòng vệ quanh những vị trí trọng yếu của Nam Triều Tiên và chuẩn bị phản công. Trong bối cảnh đó, Mao Trạch Đông và giới lãnh đạo Trung Quốc nhìn thấy sự

nguy hiểm nếu Mỹ thắng ở Triều Tiên: Đông Dương sẽ là mục tiêu tiếp theo và cục diện châu Á sẽ thay đổi theo hướng bất lợi cho cách mạng. Bắc Triều Tiên muốn không thất bại nhất thiết phải có sự trợ giúp của Trung Quốc. Vấn đề còn lại chỉ là khi nào và dưới điều kiện nào thì Trung Quốc tham chiến.

Mao Trạch Đông có những lý do để trì hoãn quyết định này. Để đảm bảo khả năng chiến thắng, Bắc Kinh cần: thứ nhất sự trợ giúp về không quân và thiết bị của Liên Xô; thứ hai chuyển thêm hai quân đoàn nữa cùng đạn pháo và xe tăng đến Bắc Triều Tiên và thứ ba tăng cường đội quân tinh nhuệ sẽ vượt biên giới vào Triều Tiên [6; tr. 152]. *Thứ nhất*, NEBDA vẫn chưa sẵn sàng cho dù Mao đã yêu cầu hoàn thành việc chuẩn bị vào giữa tháng 8. *Thứ hai*, Bắc Triều Tiên, dù đang lâm vào tình thế bất lợi, cũng chưa đến tìm Trung Quốc để yêu cầu trợ giúp. Không có sự đồng ý và hợp tác của Bắc Triều Tiên, Trung Quốc chưa thể đưa quân vào Triều Tiên được. *Cuối cùng*, chưa có được sự đảm bảo quân sự từ phía Liên Xô, Trung Quốc chưa thể tự tin tham chiến được.

Về điểm cuối cùng này, chúng ta nên dừng lại để xem xét thái độ của Liên Xô. Cũng như Trung Quốc, Liên Xô không bất ngờ về cuộc chiến, nhưng ngạc nhiên về khả năng can thiệp nhanh chóng của Mỹ. Trong khi Stalin tập trung sự chú ý của mình ở châu Âu, ông đã đánh giá thấp nguy cơ Mỹ tiến hành một chiến dịch quân sự ở Đông Á. Trong bối cảnh đó, một chiến thắng của Cộng sản ở Triều Tiên là quan trọng nhưng không mang tính quyết định với Liên Xô, nhất là khi Stalin không muốn bị dính líu vào một cuộc đối đầu

trực tiếp với Mỹ và việc giúp đỡ cách mạng ở châu Á đã được quy định là nghĩa vụ của Trung Quốc [18].

Tóm lại, khi các điều kiện tham chiến chưa hội đủ, Mao Trạch Đông quyết định chuẩn bị và chờ đợi hơn là hành động quá sớm.

Ngày 15/9/1950, quân đoàn 10 của Mỹ đổ bộ vào Inchon, một trong những cảng quan trọng của Triều Tiên, chuyển từ thế phòng ngự sang phản công. Biến đổi trên chiến trường đã đặt Bắc Kinh vào tình trạng khẩn cấp. Mỹ đã phản công vào một trong những điểm yếu nhất và nguy hiểm nhất của Bắc Triều Tiên. Nếu Trung Quốc can thiệp, họ sẽ phải đối mặt với kẻ thù đã nắm thế chủ động, khó khăn hơn nhiều lần. Hơn nữa, cuộc chiến không còn ở Nam Triều Tiên nữa mà đã trên lãnh thổ láng giềng, đe dọa trực tiếp đến an ninh biên giới của Trung Quốc. Viễn cảnh châu Á trở nên bất lợi cho cách mạng. Quan trọng hơn, thắng lợi của Mỹ sẽ kích lệ các lực lượng phản động trong nước chống phá chính phủ mới thành lập. Mao Trạch Đông nhận định: Trung Quốc không có sự lựa chọn nào hơn là phải tăng cường chuẩn bị tham chiến [6; tr. 160].

Cùng lúc Stalin nhận thấy, nếu để cho Mỹ chiếm được toàn bộ bán đảo Triều Tiên thì so sánh lực lượng trên thế giới nói chung, ở châu Á nói riêng, sẽ có lợi cho Washington, nên đã quyết định yêu cầu Trung Quốc can thiệp. Trung Quốc không trả lời đồng ý ngay mà đòi hỏi sự đảm bảo quân sự đặc biệt là không quân của Liên Xô, theo

đúng tinh thần của Hiệp ước tương trợ Xô-Trung, như một điều kiện cho việc tham chiến này [6; tr. 161].

Trước tình thế khó khăn, Kim Nhật Thành buộc phải chính thức yêu cầu sự viện trợ của Trung Quốc. Pak Il-yu và Pak Hon-yong (chứ không phải là Kim) đã đến Bắc Kinh yêu cầu Trung Quốc gửi quân sang Triều Tiên. Đã có đầy đủ lý do để tham chiến, vấn đề còn lại với Bắc Kinh chỉ là thời gian.

Trong khi tăng cường chuẩn bị cho chiến tranh, Mao liên tiếp đưa ra những lời cảnh báo: nếu Mỹ vượt vĩ tuyến 18, Trung Quốc sẽ tham chiến [13; tr.51]. Chính những lời cảnh báo vào giây phút cuối cùng này đã khiến Allen S. Witing cũng như những học giả phương Tây cho rằng, Bắc Kinh đang cố gắng dùng các biện pháp ngoại giao để đảo ngược tình thế và chỉ khi không thể đảo ngược được, Bắc Kinh mới dùng đến quân sự.

Ngày 30 tháng 9, quân đội Nam Hàn vượt vĩ tuyến 38, Kim buộc phải gửi thư kêu gọi Bắc Kinh can thiệp khẩn cấp. Ngày 1 tháng 10, Mao Trạch Đông cùng một số lãnh đạo thân tín họp đưa ra quyết định: Bàn Đức Hoài sẽ là người cầm quân và sẽ vượt biên giới vào khoảng 15 tháng 10. Tất cả phụ thuộc vào việc NEBDA sẽ chuẩn bị tham chiến nhanh đến đâu. Cũng vì lý do này, lời cảnh báo cuối cùng của Chu Ân Lai đưa ra ngày 2/10/1950 được coi như một cách trì hoãn bước tiến của kẻ thù để có thêm thời gian chuẩn bị. Mao Trạch Đông xác định cuộc chiến có hai mục đích rõ ràng: *Thứ nhất*, đẩy lùi quân đội do Mỹ cầm đầu; *Thứ*

hai, đánh đuổi Mỹ và “tay sai” ra khỏi Triều Tiên. Những thắng lợi trên bình diện Triều Tiên sẽ dẫn đến một thắng lợi trên bình diện khu vực.

Mao Trạch Đông đã quá tin tưởng vào Liên Xô. Khi quyết định tăng cường huy động nhân dân cho cuộc “Kháng Mỹ viện Triều”, Mao Trạch Đông cử Chu Ân Lai đến gặp Stalin để thông báo kế hoạch đồng thời cũng bàn bạc về việc Liên Xô hỗ trợ quân sự như thế nào. Đến Matxcova ngày mùng 10, Chu đã có một cuộc hội kiến kéo dài từ 7 giờ tối đến 5 giờ sáng ngày hôm sau với Stalin. Hoàn toàn bất ngờ, Stalin hứa sẽ giúp Trung Quốc về thiết bị và vũ khí nhưng từ chối gửi lực lượng và không quân đến Triều Tiên. Theo Stalin, Liên Xô đã cam kết rút hết quân ra khỏi Triều Tiên, nay lại gửi quân đến, sẽ không tránh khỏi đụng độ trực tiếp với quân đội Mỹ. Còn về không quân, Stalin khẳng định không thể gửi ngay được (nhưng cũng không đề cập cụ thể là khi nào) vì Liên Xô cần sự chuẩn bị. Hơn nữa, không quân Liên Xô sẽ trợ giúp Trung Quốc và Bắc Triều Tiên như một giải pháp cuối cùng chứ không phải đầu tiên. Mọi cố gắng thuyết phục của Chu Ân Lai đều chỉ nhận được câu trả lời “không” của Stalin.

Sự thay đổi của Liên Xô đặt một gánh nặng lên vai các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Ngày 13 tháng 10, một cuộc họp khẩn cấp của Bộ Chính trị được triệu tập. Sau khi xem xét các yếu tố, cuộc họp đã thống nhất: Trung Quốc vẫn nên gửi quân đến Triều Tiên dù không có sự giúp đỡ của không quân Liên

Xô, vì nếu để Mỹ chiếm đóng bán đảo Triều Tiên, an ninh của Trung Quốc cũng như cách mạng tại châu Á sẽ bị đe dọa trực tiếp [6; tr. 202].

Quyết định của Mao vấp phải trở ngại mới. Các tướng lĩnh hàng đầu trong quân đội Trung Quốc như Đặng Hoa, Hồng Tuyết Chi, do ảnh hưởng của việc Liên Xô không đảm bảo trợ giúp không quân nữa, gửi một bức điện cho Bành Đức Hoài nhấn mạnh nên hoãn lại chiến dịch, chờ cho qua mùa đông đến mùa xuân khi mọi sự chuẩn bị đã chín muồi. Nhiều tướng lĩnh thậm chí cho rằng Trung Quốc không cần thiết phải đưa quân vào Triều Tiên. Chính Mao Trạch Đông cũng trở nên lưỡng lự. Ông quyết định hoãn lại quyết định tham chiến và triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của Bộ Chính trị vào ngày 18 tháng 10. Trong cuộc họp này, Chu Ân Lai báo cáo lại quan điểm của Liên Xô: Cho dù Stalin không hỗ trợ quân ngay, nhưng Liên Xô sẽ đảm bảo cung cấp trang thiết bị và vũ khí cho quân đội Trung Quốc cũng như đảm bảo an ninh cho lãnh thổ Trung Quốc trong trường hợp bị Mỹ tấn công. Trong cuộc họp, Mao Trạch Đông đặc biệt chú ý đến việc quân đội do Mỹ cầm đầu đã bắt đầu tấn công Bình Nhưỡng và trong vài ngày nữa sẽ tiến đến sông Áp Lục. Cuối cùng, Mao Trạch Đông quyết định: “Cho dù chúng ta phải đối phó với những khó khăn lớn đến thế nào đi nữa, chúng ta cũng không nên thay đổi quyết định tham chiến, càng không nên trì hoãn thêm nữa thời gian tham chiến” [6; tr. 158].

Cùng ngày hôm đó, Mao ra lệnh cho Bành Đức Hoài dẫn các Chí nguyện quân vượt sông Áp Lục. Để đảm bảo bí mật, đội quân sẽ hành quân vào ban đêm và dừng lại ban ngày. Ngày 19 tháng 10, Bành Đức Hoài bay về An Đông. Ngay tối hôm đó, những Chí nguyện quân Trung Quốc đầu tiên vượt biên giới Trung-Triều.

Nhận xét bước đầu

Ở trên chúng tôi đã phân tích quá trình đưa ra quyết định của Trung Quốc tham chiến “kháng Mỹ viện Triều” và nguyên nhân nào đưa Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo Trung Quốc đến cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Trước hết, quyết định tham chiến là kết quả những suy tính trên cơ sở lợi ích quốc gia, xuất phát từ lợi ích dân tộc của những nhà lãnh đạo Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, Mỹ là mối đe dọa an ninh số một. Khi mối đe dọa đó tiến đến gần biên giới thì không thể ngồi chờ để nó ập đến, mà phải hành động trước. Allen S. Witing và các học giả phương Tây đã đúng khi khẳng định vai trò của yếu tố này.

Thứ hai, chúng tôi tán đồng với Chen Jian trên quan điểm chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc chi phối mạnh mẽ Mao Trạch Đông và các đồng chí của ông. Can thiệp vào Triều Tiên không chỉ thể hiện tinh thần tương hỗ giữa những đảng Cộng sản mà còn là con đường Trung Quốc khẳng định vai trò của mình trong khu vực, điều mà họ đã từng làm được trong quá khứ. Khi Stalin yêu

cầu Trung Quốc đảm trách cách mạng châu Á, Lưu Thiếu Kỳ không trả lời ngay. Rõ ràng đó là một công việc nặng nề đối với một chính phủ mới thành lập, trước mắt phải đối phó với bao khó khăn kinh tế và chính trị trong nước. Tuy nhiên, căn cứ vào đó để nói rằng yêu cầu đó của Stalin đi ngược lại ý muốn của người Trung Quốc thì không đúng. Tất cả những gì sau đó: Hỗ trợ cách mạng ở Đông Dương; Sẵn sàng chuẩn bị tham chiến giúp đỡ Bắc Triều Tiên chứng minh Trung Quốc đang cố gắng đảm nhiệm vai trò đó. Sau này, khi Stalin từ chối không hỗ trợ không quân, Mao Trạch Đông vẫn luôn nghĩ đến trách nhiệm đối với cách mạng Triều Tiên đang đặt lên vai người Trung Quốc và họ phải cố gắng thực hiện sứ mạng này cho dù khó khăn thế nào đi nữa.

Mặt khác, theo những dẫn chứng trong cuốn sách của Chen Jian [6] thì hai yếu tố chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc cần được đánh giá với tầm quan trọng ngang nhau, ít nhất là cho đến thời điểm này khi chưa có đủ bằng chứng để chứng minh yếu tố nào quan trọng hơn. Giải đáp câu hỏi này có lẽ là đề tài hấp dẫn thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu chính trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.Doak Barnett (1967). *China and the Major Powers in East Asia*. Washington: the Brookings Institution.
2. P.De Beer (1968). *La guerre civile en Chine, 1919 - 1949*. Tournai:

Casterman.3. Bruce Cumings (1990). *The Origins of the Korean War II*. Princeton: Princeton University Press.

4. F.Fejto (1973). *Chine – URSS: de l'alliance au conflit 1950 – 1972*. Paris: Seuil.

5. H.Harding (1992). *A Fragile Relationship: The United States and China since 1972*. Washington: the Brookings Institution.

6. Chen Jian (1994). *China's Road to the Korean War: The Making of Sino - American Confrontation*. New York, Columbia University Press.

7. Jean Lacouture (2004). Cuộc chiến Genève. Toàn cảnh xưa nay. Số 216, VII - 2004, Tr.16-18. Đào Hùng trích dịch từ Jean Lacouture, *Pierre Mendès France*, Nxb Seuil, Paris 1981, tr.237-258.

8. Peter Lowe (1986). *The Origins of the Korean War*. London and New York. Longman.

9. John Merrill (1989). *Korea: The Peninsula Origins of the War*. Newark: University of Delaware Press.

10. Robert T.Olivier (1950). *Why War came in Korean*. New York: Fordham University Press.

11. David Rees (1964). *Korean Limited War*. New York: St Martin's Press.

12. Robert R.Simmons (197). *The Strained Alliance: Peking, Pyongyang, Moscow and the Politics of the Korean Civil War*. New York, The free Press.

13. J.G.Stoessinger (1975). *Nations in Darkness: China, Russia and America*. New York: Random House.

14. Đặng Thu Trang (2004). *Les relations sino-americaines pendant la guerre froide 1949 – 1989*. Louvain - la - Neuve: Universite' Catholique de Louvain, Belgique.

15. Tang Tsou (1963). *America's Failure in China 1941 - 1950*. Chicago: University of Chicago Press.

16. Harry S.Truman (1956). *Years of Trial and Hope 1946 – 1953*. London: Hodder and Stoughton.

17. Truman's statement, 27 June 1950, *Foreign Relations of the United States*, Vol.7.Washington DC: Government Printing Office.

18. Kathryn Weathersby (1993). *The Soviet Role in the Early Stage of the Korean War: New Documentary Evidence*. The Journal of American - East Asian Relations, số 4-1993.

19. Allen S.Witting (1960). *China Cross the Yalu: The Decision to Enter the Korean War*. New York: Memillan.